

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày 21/02/2023

Về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Lập

2. Ông Lương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Đỗ Phước Thành, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 và ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 23/02/2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXX-ST ngày 30/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 17/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Vũ Hồng C, sinh năm 1979; cư trú: số 17, đường Lê Thiện Tứ, khóm Đông Thành, phường Đông Xuyên, thành phố X, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Trần Thị Việt N, sinh năm 1954; cư trú: số 17, đường Lê Thiện Tứ, khóm Đông Thành, phường Đông Xuyên, thành phố X, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2018) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Hồ Hoàng P – Luật sư Văn phòng luật sư Hồ Hoàng P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Chị Trần Thị Tuyết N1, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2.2 Anh Trần Quốc T, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng cư trú: đường Thánh T2, khóm T3, phường Q1, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh T, chị N1: bà Lê Lâm T1, sinh năm 1970; cư trú: đường Cặp Rạch Cái S, khóm T3, phường Mỹ P1, thành phố X, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2021) (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1981; cư trú: đường Thánh T2, khóm T3, phường Q1, thành phố X, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị L: anh Tô Thanh H, sinh năm 1979; cư trú: đường Thánh T2, khóm T3, phường Q1, thành phố X, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2019) (có mặt)

3.2 Chị Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1988; cư trú: đường Thánh T2, khóm T3, phường Q1, thành phố X, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị V: anh Lương Ngọc M, sinh năm 1983; cư trú: đường Thánh T2, khóm T3, phường Q1, thành phố X, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2019) (có mặt)

3.3 Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang. (có đơn đề nghị vắng mặt)

3.4 Anh Vũ Cường Q, sinh năm 1981; cư trú: đường Lê Thiện T4, khóm T5, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang. (vắng mặt khi tuyên án)

3.5 Chị Vũ Thị Hồng N2, sinh năm 1985; cư trú: rạch Ông M1, khóm Đông P2, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang. (vắng mặt khi tuyên án)

3.6 Bà Trần Thị Việt N, sinh năm 1954; cư trú: đường Lê Thiện T4, khóm T5, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, anh Vũ Hồng C trình bày:* phần đất tranh chấp có nguồn gốc Nhà nước cấp cho ông nội của anh là ông Vũ Hồng Đức 3.000m². Khi ông nội và cha của anh mất, năm 2003 cô và chú của anh chia phần đất mà cha của anh được hưởng cho anh đứng tên và đến ngày 01/12/2003 anh được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 911324, sổ vào sổ 00587/A1 có diện tích 1.107,4m².

Năm 2008, khi tiến hành xây dựng nhà, anh phát hiện đoạn ranh giáp lối đi chung phía cô hai của anh (bà Hồng) đã bị thay đổi (đoạn mốc 24, 26), thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh được cấp, qua đo đạc thực tế, đoạn ranh 24 – 26 bị chị Trần Thị Tuyết N1 xây nhà, cải tạo lối đi chung lấn 50,6m² (ngang 1,3m và 02m, dài 30,6m), đồng thời chị Trần Thị Tuyết V có dựng cột điện, đường ống dẫn nước trong phần đất bị lấn chiếm.

Nay, anh yêu cầu chị N1 phải trả lại 50,6m² đất, yêu cầu chị L, chị V phải di dời trụ điện, ống dẫn nước ra khỏi phần đất của anh và yêu cầu anh T, chị N1 phải

trả giá trị phần diện tích căn nhà lẫn qua đất anh có diện tích 3,2m² theo giá 12.536.000 đồng/m².

* *Bị đơn, anh Trần Q T và chị Trần Thị Tuyết N1* xác định đất có nguồn gốc từ ông ngoại Vũ Hồng Đức được Ban Tổ chức Tỉnh ủy An Giang cấp 2.170m² (Nng 35m, dài 62m). Khi ông ngoại mất, đến năm 2003, cậu là ông Vũ Đức Long, mẹ của anh chị là bà Vũ Đức Hồng và anh Vũ Hồng C (con của cậu Vũ Hồng Sơn) tự thuận phân chia phần đất của ông ngoại, theo đó: mẹ của anh chị được chia phần đất Nng 6m mặt đường Thánh Thiên, Nng phía sau 10,5m và dài 62m; ông Vũ Đức Long được chia phần đất Nng 27m mặt đường Thánh Thiên và dài 31m; anh Vũ Hồng C được chia phần đất Nng 24,5m và dài 31m.

Năm 2018, anh Vũ Hồng C xin phục hồi mốc ranh và xảy ra tranh chấp; vợ chồng anh xác định không lấn chiếm đất của anh C nên không đồng ý theo yêu cầu của anh C, phần lối đi chung đã có từ trước khi phân chia thừa kế của cụ Vũ Hồng Đức; đồng thời anh chị yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.107,4m² tại thửa số 136, 137, tờ bản đồ số 64 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00587QSDĐ/Al do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp cho anh Vũ Hồng C ngày 01/12/2003.

* *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ Chị Trần Thị Tuyết V xác nhận nguồn gốc đất như anh T, chị N1 trình bày và chị cũng cho rằng chị không xây dựng trụ điện tuy chị có sử dụng trụ điện và đường ống dẫn nước trên phần đất là lối đi chung, lối đi không nằm trên phần đất thuộc quyền sử dụng của anh Vũ Hồng C nên không đồng ý với yêu cầu của anh C về việc chị phải di dời trụ điện, đường dẫn nước.

+ Đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Tuyết L xác nhận nguồn gốc đất như anh T, chị N1 trình bày và không đồng ý với yêu cầu của anh C về việc phải di dời cột điện, đường ống dẫn nước.

+ Bà Trần Thị Việt N, anh Vũ Cường Q và chị Vũ Thị Hồng N2 thống nhất theo trình bày và yêu cầu của anh Vũ Hồng C, thống nhất giữ nguyên hiện trạng nhưng phía anh T phải bồi thường theo giá 12.536.000 đồng/m².

+ Tại Văn bản số 6213/UBND-NC ngày 10/12/2021 và số 1264/UBND-NC ngày 29/3/2022 Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 136, 137 cho anh Vũ Hồng C là đúng trình tự, thủ tục quy định; Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên không có ý kiến về tranh chấp giữa các đương sự và đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, đồng ý thực hiện theo nội dung bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vũ Hồng C, Luật sư Hồ Hoàng P phát biểu ý kiến: anh Vũ Hồng C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở văn bản thỏa thuận giữa cô chú vào ngày 29/5/2000 và ngày 09/6/2003, khi thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh C đã nộp thuế trước bạ đầy đủ đã thể hiện việc anh C được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất là đúng pháp luật. Quá trình sử dụng, phía anh T chị N1 đã lấn chiếm một phần diện tích đất nên anh yêu cầu anh T, chị N1 phải trả lại phần đất có diện tích 50,6m² và đồng thời anh C đồng ý hiện trạng sử dụng đối với diện tích anh T, chị N1 đã xây dựng nhà nhưng phải trả giá trị với mức giá 12.536.000 đồng/m² đối với phần diện tích đất 3,2m². Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C nhận thấy không có cơ sở vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh C là đúng quy định.

Anh Vũ Hồng C thống nhất với ý kiến của Luật sư P và không có ý kiến bổ sung.

Chị Lê Lâm T1 là người đại diện hợp pháp của anh Trần Q T và chị Trần Thị Tuyết N1 có ý kiến: tại văn bản thỏa thuận, ông Vũ Đức Long và ông Vũ Hồng Sơn xác nhận chừa lối đi chung Nng 02m được Ủy ban nhân dân phường Q1 xác nhận ngày 31/5/2000 nhưng do sót người thừa kế, ngày 09/6/2003, bà Vũ Đức Hồng, ông Long và anh C (trong đó anh đại diện ông Long do ông Long đã mất) thỏa thuận bà Hồng được chia phần đất Nng 6m mặt đường Thánh Thiên, Nng phía sau 10,5m và dài 62m; ông Vũ Đức Long được chia phần đất Nng 27m mặt đường Thánh Thiên và dài 31m; anh Vũ Hồng C được chia phần đất Nng 24,5m và dài 31m. Ngoài ra, biên bản bàn giao mốc ranh thể hiện lối đi chung phân tách phần đất thuộc quyền sử dụng của anh T, chị N1 với phần đất thuộc quyền sử dụng của anh C thành 02 phần riêng biệt nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh C có diện tích lớn hơn đơn đăng ký quyền sử dụng đất và trùm lên cả phần lối đi chung và phần đất thuộc quyền sử dụng của anh T và chị N1 là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của anh C, đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh C.

Anh Tô Thanh H, đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Tuyết L cho rằng ngoài gia đình chị L sử dụng còn có 8 hộ dân trong khu vực sử dụng và trụ điện đã có từ rất lâu nên đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

Anh Lương N2 M, đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Tuyết V xác định cha vợ của anh là ông Trần Đồi được Ban Tổ chức Tỉnh ủy An Giang cấp khoảng 1.000m² vào năm 1979 và được trao tặng nhà tình nghĩa từ năm 2002 nên đã sử dụng đường điện, nước ổn định cho đến nay và đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

Bà Trần Thị Việt N thừa nhận trụ điện và đường ống dẫn nước có từ lâu nhưng khi gia đình bà xin cắm lại trụ mốc ranh thì phía anh T, chị N1 có những lời lẽ không tốt đẹp nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận theo như yêu cầu của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: các đương sự đều xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp đều do ông bà để lại cho cha mẹ và để lại cho anh C, chị N1. Theo Tờ tự thuận 29/5/2000 ông Sơn, ông Long đồng ý dành lối đi vào đất cho bà Hồng Ng 2m, dài 62m; biên bản Kê khai hiện trạng nhà và bàn giao mốc ranh giới sử dụng đất ngày 06/7/2003, bà Vũ Đức Hồng kê khai mốc giới, hình thể khu đất và sơ đồ mặt bằng nhà cũng thể hiện lối đi chung Ng 2m, dài 60,66m.

Khi ông Vũ Hồng Đức chết, các con là bà Vũ Đức Hồng, ông Vũ Đức Long và ông Vũ Hồng Sơn (Sơn chết, có con là Vũ Hồng C) thỏa phân chia di sản đất của ông Đức: bà Hồng đất Ny mặt trước Ng trước 6m, Ng sau 10,5m, dài 62m; ông Long hưởng Ng 27m dài 31m; anh C Ng 27m, dài 31m và theo hồ kỹ thuật 20/3/2003 cấp quyền sử dụng đất cho bà Vũ Đức Hồng và ông Trần Đồi thì vẫn tồn tại lối đi chung nằm cạnh đất bà Hồng. Bên cạnh đó, biên bản Kê khai hiện trạng nhà và bàn giao mốc ranh giới sử dụng đất ngày 06/7/2003, anh Vũ Hồng C kê khai mốc giới, hình thể khu đất và sơ đồ mặt bằng nhà cũng thể hiện lối đi chung Ng 2m. Như vậy lối đi chung vẫn tồn tại sau khi các đương sự kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Biên bản thẩm định 06/7/2022 xác định trên phần lối đi tồn tại 02 vị trí đặt đồng hồ nước, 04 trụ điện bằng thép. Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất 23/3/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Long Xuyên thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C đã lấn vào lối đi chung tại các điểm: 1, 48, 8, 47, 44, 9, 58, 5, 2; cấp chôn ranh lấn phần đất cấp cho bà Hồng diện tích 3,2 m² tại các điểm 49, 56, 57. Như vậy, mặc dù Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C là đúng quy định nhưng thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh C đã cấp luôn vào lối đi chung (trước đây thỏa thuận để làm lối đi vào nhà bà Hồng), và cấp chôn lấn vào đất có nhà của bà Hồng đang ở là không đúng, không đúng diện tích, vị trí đất là cấp sai quy định; vì vậy, các bị đơn phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng C về yêu cầu chị Trần Thị Tuyết N1 và anh Trần Q T trả lại diện tích đất 3,2m² và yêu cầu hộ chị Trần Thị Tuyết V, hộ chị Trần Thị Tuyết L di dời phần cột điện, đường nước ra khỏi phần đất; chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Trần Thị Tuyết N1 và anh Trần Q T về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh C.

Anh C chịu chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất được quy định tại khoản 24 Điều 3

Luật đất đai năm 2013, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại phường Q1, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; đồng thời với việc giải quyết tranh chấp này có thể dẫn đến việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên đã cấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Trần Thị Tuyết N1, chị Trần Thị Tuyết V vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đại diện hợp pháp của chị N1, chị V có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bên đều thừa nhận nguồn gốc đất hiện được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Vũ Hồng C và cho chị Trần Thị Tuyết N1, anh Trần Q T là do ông Vũ Hồng Đức được Ban Tổ chức Tỉnh ủy An Giang cấp để lại.

Anh C cho rằng chị N1, anh T lấn chiếm nên yêu cầu phải trả lại 50,6m² đất lấn chiếm và chị N1, anh T, chị L, chị V phải di dời trụ điện, ống dẫn nước ra khỏi phần đất thuộc quyền sử dụng của anh C nhưng chị N1, anh T lại cho rằng anh chị không lấn chiếm phần đất thuộc quyền sử dụng của anh C nên chị N1, anh T, chị L, chị V không đồng ý theo các yêu cầu của anh C; đồng thời, chị N1, anh T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh C do cấp chồng lên phần đất thuộc quyền sử dụng của anh chị.

[3.1] Đối với yêu cầu của anh Vũ Hồng C, Hội đồng xét xử xét thấy: tuy ông Vũ Hồng Đức được cấp phần đất hơn 3.000m² vào năm 1976 nhưng vào năm 1979, ông Trần Đồi (chồng bà Vũ Đức Hồng) được Ban Tổ chức tỉnh ủy An Giang cấp khoảng 1.000m² đất (rút lại khoảng 1.000m² đã cấp cho ông Vũ Hồng Đức trước đây), chính vì vậy, ông Vũ Hồng Đức được Sở Xây dựng tỉnh An Giang cấp chứng nhận công nhận quyền sử dụng đất thổ cư và sở hữu căn nhà số 100/CN.SXD ngày 23/01/1990 có diện tích 2.170m² (Nng 35, dài 62m).

Sau khi ông Đức chết, vào ngày 29/5/2000, ông Vũ Hồng Sơn và ông Vũ Đức Long thỏa thuận phân chia mỗi người hưởng một phần đất Nng 35m và dài 31m, đồng thời dành lối đi cho bà Vũ Đức Hồng có chiều Nng 02m và dài 62m (văn bản thỏa thuận được Ủy ban nhân dân phường Q1 xác nhận ngày 31/5/2000). Đến ngày 09/6/2003, bà Vũ Đức Hồng, ông Vũ Đức Long và ông Vũ Hồng Sơn (Sơn chết, có con là Vũ Hồng C) thỏa phân chia di sản đất của ông Đức: bà Hồng được chia phần đất Nng trước 6m, Nng sau 10,5m, dài 62m; Long hưởng Nng 27m dài 31m; C được chia Nng 27m, dài 31m.

Trên cơ sở thỏa thuận, các bên đã đăng ký quyền sử dụng đất, theo biên bản bàn giao mốc ranh ngày 05/7/2003 cho anh Vũ Hồng C và biên bản bàn giao mốc

ranh ngày 06/7/2003 cho bà Vũ Đức Hồng đều thể hiện phần lối đi chung đã tồn tại trước khi các bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất thuộc quyền sử dụng của các bên không liền kề nhau mà được phân tách bởi lối đi chung. Điều đó chứng tỏ, anh C chỉ có quyền sử dụng phần đất được giới hạn bởi lối đi chung và các trụ điện, dây dẫn điện, đồng hồ nước, ống dẫn nước đều nằm trên phần đất là lối đi chung nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng C.

[3.2] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Vũ Hồng C: tuy Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự là đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng theo đơn đăng ký – xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của Vũ Hồng C được Ủy ban nhân dân phường Q1 xác nhận ngày 08/8/2003 thì anh C đăng ký sử dụng phần đất có diện tích 759,5m², biên bản bàn giao mốc ranh ngày 05/7/2003 cho anh Vũ Hồng C và biên bản bàn giao mốc ranh ngày 06/7/2003 cho bà Vũ Đức Hồng đều thể hiện phần lối đi chung đã tồn tại trước khi các bên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều này đã chứng tỏ anh C chỉ có quyền sử dụng phần đất được giới hạn bởi lối đi chung, lối đi chung phân chia mảnh đất thuộc quyền sử dụng của anh C và của chị N1, anh T thành 02 phần riêng biệt (không liền kề nhau), tuy nhiên theo bản trích đo hiện trạng lại cho thấy phần đất anh Vũ Hồng C được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 911324, sổ vào sổ 00587/A1 ngày 01/12/2003 đã cấp bao trùm cả phần lối đi chung và một phần diện tích do anh T, chị N1 sử dụng là sai vị trí, sai với hiện trạng sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Vũ Hồng C và anh C có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

[4] Hội đồng xét xử không xem xét đến việc anh Vũ Hồng C thay mặt gia đình thỏa thuận phân chia di sản của ông Vũ Hồng Đức và đứng tên phần đất mà đáng lẽ ông Vũ Hồng Sơn được hưởng do bà Trần Thị Việt N, anh Vũ Cường Q và chị Vũ Thị Hồng N2 không yêu cầu.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: do yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng C không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 34, 147, 157, 165, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng C về việc yêu cầu chị Trần Thị Tuyết N1, anh Trần Văn T phải trả lại 50,6m² và trả giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 3,2m² đất tại T3, phường Q1, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 5, 2, 1, 57, 6, 61 và các điểm 56, 57, 52, 49 của Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 07/9/2022 (có bản vẽ kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng C về việc buộc chị Trần Thị Tuyết N1, anh Trần Văn T, chị Trần Thị Tuyết L, chị Trần Thị Tuyết V phải di dời trụ điện, đường ống dẫn nước trên phần đất được xác định tại các điểm 5, 2, 1, 57, 6, 61 của Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 07/9/2022 (có bản vẽ kèm theo).

[2] Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tuyết N1 và anh Trần Văn T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Vũ Hồng C.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 911324, sổ vào sổ 00587/AI có diện tích 1.107,4m² do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 01/12/2003 cho anh Vũ Hồng C đứng tên.

Anh Vũ Hồng C có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

[3] Về án phí: anh Vũ Hồng C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.656.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp và sau khi khấu trừ anh Vũ Hồng C được nhận lại 2.356.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0010690 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về chi phí tố tụng: ông Vũ Hồng C phải nộp 7.137.000 đồng tiền đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá (đã nộp xong).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đường sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng Tòa án tỉnh).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng